

Số: 22 /2017/SCI -TCKT
(V/v : Công bố thông tin BCTC hợp
nhất kiểm toán năm 2016)

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**
2. Mã chứng khoán : **S 99**
3. Trụ sở chính: T3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội
4. Điện thoại: (84.4) 3 768 4495 Fax: (84.4) 3 768 4490
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ông Cao Lữ Phi Hùng – Kế toán trưởng
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần SCI được lập ngày 30/03/2017.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.sci.pro.vn

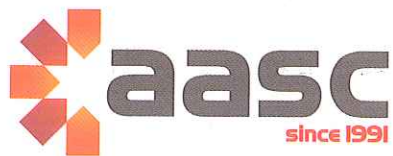
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC


Lương Thanh Tùng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

A member of  International

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-43



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Lê Tiến Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/06/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Dương Mạnh	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 05/05/2016
Ông Nguyễn Đức Lương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/04/2016
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Trần Kim Sơn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

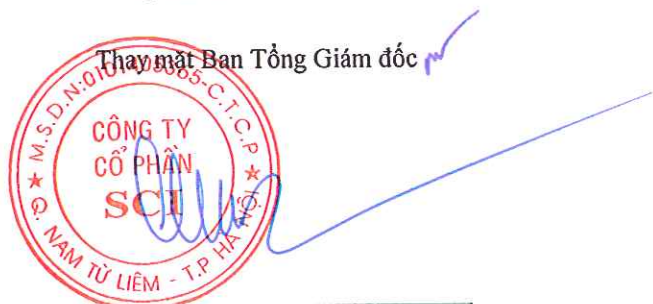
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads 'M.S.D.N.0101170005-C.T.C.P.' at the top, 'CÔNG TY CỔ PHẦN SCI' in the center, and 'Q. NAM TỪ LIÊM - T.P. HÀ NỘI' at the bottom. A blue ink signature is written across the stamp.

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Số: 857/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		609.516.251.345	640.034.028.945
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	63.661.423.814	32.717.881.915
111	1. Tiền		50.661.423.814	32.717.881.915
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	174.681.548.492	197.273.062.978
121	1. Chứng khoán kinh doanh		40.912.601.561	205.817.372.392
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.481.053.069)	(8.794.309.414)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		140.250.000.000	250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		190.996.469.659	272.898.223.429
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	129.910.504.903	169.648.675.694
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	33.423.804.106	12.719.089.882
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	2.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	51.497.067.216	95.753.983.305
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(23.834.906.566)	(7.223.525.452)
140	IV. Hàng tồn kho	9	168.840.681.453	131.028.012.622
141	1. Hàng tồn kho		168.861.718.985	131.049.050.154
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.336.127.926	6.116.848.001
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	732.628.369	814.073.323
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.420.525.817	5.302.774.678
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	182.973.740	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		365.155.208.580	213.081.609.218
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.578.774.500	2.613.353.500
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	3.962.814.500	2.385.353.500
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	615.960.000	228.000.000
220	II. Tài sản cố định		149.686.677.357	96.516.968.546
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	149.577.302.402	96.395.093.587
222	- Nguyên giá		246.367.858.218	173.846.712.595
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(96.790.555.816)	(77.451.619.008)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	109.374.955	121.874.959
228	- Nguyên giá		342.500.000	342.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(233.125.045)	(220.625.041)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		114.079.736.524	27.365.439.011
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	114.079.736.524	27.365.439.011
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	85.550.000.000	80.550.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.550.000.000	80.550.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.260.020.199	6.035.848.161
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	9.380.779.799	6.035.848.161
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.a	1.879.240.400	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		974.671.459.925	853.115.638.163

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		474.594.806.286	364.717.240.654
310	I. Nợ ngắn hạn		340.186.415.226	253.206.869.403
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	72.460.109.491	42.535.354.454
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	31.903.514.724	44.886.940.183
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.818.093.488	11.610.173.332
314	4. Phải trả người lao động		19.801.598.553	16.745.494.772
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	11.196.322.793	3.308.567.379
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.963.467.289	33.063.031.662
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	191.794.148.843	99.467.812.298
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.249.160.045	1.589.495.323
330	II. Nợ dài hạn		134.408.391.060	111.510.371.251
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	56.815.000	56.815.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	131.375.412.337	108.524.460.928
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.b	2.976.163.723	2.929.095.323
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		500.076.653.639	488.398.397.509
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	500.076.653.639	488.398.397.509
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		388.491.390.000	370.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		388.491.390.000	370.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.226.367.080	8.192.087.059
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.692.268.458	48.166.320.441
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		27.948.886.409	19.910.709.704
421b	LNST chưa phân phối năm nay		14.743.382.049	28.255.610.737
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		58.684.462.101	61.057.824.009
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		974.671.459.925	853.115.638.163

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	293.418.317.199	124.707.077.840
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.418.317.199	124.707.077.840
11	4. Giá vốn hàng bán	23	251.159.640.683	118.752.320.254
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.258.676.516	5.954.757.586
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	74.887.962.144	72.653.925.797
22	7. Chi phí tài chính	25	45.474.373.894	47.578.870.543
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		24.101.994.486	5.122.710.343
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	8.181.818
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	55.175.656.967	16.468.908.841
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.496.607.799	14.552.722.181
31	12. Thu nhập khác	27	2.170.279.169	30.690.120.854
32	13. Chi phí khác	28	3.961.653.982	9.079.919.698
40	14. Lợi nhuận khác		(1.791.374.813)	21.610.201.156
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.705.232.986	36.162.923.337
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	3.009.846.875	4.795.876.343
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.c	(1.832.172.000)	2.929.095.323
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>13.527.558.111</u>	<u>28.437.951.671</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		15.236.284.008	28.255.610.737
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(1.708.725.897)	182.340.934
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	392	907

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.705.232.986	36.162.923.337
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.657.087.127	(6.399.100.984)
03	- Các khoản dự phòng		14.298.124.769	7.990.338.847
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.876.980.473)	(10.519.087.033)
06	- Chi phí lãi vay		24.101.994.486	5.122.710.343
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.885.458.895	32.357.784.510
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		70.883.002.034	(61.449.132.673)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(37.812.668.831)	(15.811.906.991)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.078.843.388)	31.079.844.652
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.197.593.684)	5.216.935.143
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		164.904.770.831	(149.532.857.404)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.922.318.474)	(4.792.373.337)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.334.498.664)	(5.646.211.226)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	152.500.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.189.637.259)	(280.100.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		216.137.671.460	(168.705.517.326)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(163.690.877.035)	(34.558.930.160)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	56.264.395.415
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(140.000.000.000)	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.000.000.000)	(144.436.775.222)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.319.459.520	2.345.460.602
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(300.371.417.515)	(122.385.849.365)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	245.030.710.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		369.598.062.498	162.872.540.608
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(254.420.774.544)	(99.100.941.756)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		115.177.287.954	308.802.308.852
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		30.943.541.899	17.710.942.161



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Năm 2016**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.717.881.915	15.006.939.754
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>63.661.423.814</u>	<u>32.717.881.915</u>

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 388.491.390.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 388.491.390.000 đồng; tương đương 38.849.139 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô;
- Kinh doanh máy xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.

3111
CÔNG
NHIỆM
KIỂM
AAS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Hà Nội	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Nghệ An	100,00%	100,00%	Xây dựng thủy điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh”.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	20 năm
- Phần mềm kế toán	20 năm
- Nhãn hiệu, thương hiệu	20 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.332.514.825	1.074.159.430
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.328.908.989	31.643.722.485
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	-
	<u>63.661.423.814</u>	<u>32.717.881.915</u>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 13 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng thương mại TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
	140.250.000.000	140.250.000.000	250.000.000	250.000.000

(*) Số dư phản ánh khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB theo hợp đồng quản lý đầu tư số 10/2016/HĐQL/IBFM-SCI ngày 27/06/2016 và số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016. Tại thời điểm 31/12/2016, danh mục ủy thác đầu tư của Công ty là 140 trái phiếu doanh nghiệp, với tổng giá trị là 140 tỷ đồng.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	40.912.601.561	35.628.452.435	(6.481.053.069)	205.817.372.392	242.370.013.500	(8.794.309.414)
GEX	-	-	-	106.786.671.886	138.690.000.000	-
PCT	18.212.390.992	18.890.100.000	-	18.212.390.992	23.717.570.000	-
SDA	7.410.000.000	3.466.664.000	(3.943.336.000)	7.410.000.000	7.366.661.000	(43.339.000)
STG	3.877.500.000	4.108.500.000	-	26.271.046.600	34.109.390.000	-
VHG	-	-	-	41.656.800.000	33.707.700.000	(7.949.100.000)
DDV	5.401.440.000	3.511.900.000	(1.889.540.000)	-	-	-
CJC	3.903.900.000	3.822.000.000	(81.900.000)	3.903.900.000	4.004.000.000	-
Cổ phiếu khác	2.107.370.569	1.829.288.435	(566.277.069)	1.576.562.914	774.692.500	(801.870.414)
	40.912.601.561	35.628.452.435	(6.481.053.069)	205.817.372.392	242.370.013.500	(8.794.309.414)

(*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý các chứng khoán kinh doanh của Công ty là giá thị trường trên sàn Hà Nội, sàn Hồ Chí Minh và sàn Upcom lần lượt tại thời điểm 31/12/2016 và 01/01/2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	550.000.000	-	550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	37.000.000.000	-	37.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	18.000.000.000	-	13.000.000.000	-
- Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
	85.550.000.000	-	80.550.000.000	-

Ghi chú: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giữa Công ty Cổ phần SCI với Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Vốn điều lệ dự kiến: 100 tỷ đồng. Vốn thực góp tại 31/12/2016 là 100 tỷ đồng;
- Vốn cam kết góp của Công ty Cổ phần SCI: 30 tỷ đồng;
- Lĩnh vực và mục tiêu đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp dự định đầu tư.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án và thi công xây dựng
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	8,00%	8,00%	Đầu tư, thi công thủy điện

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà là khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	3.370.553.878	13.407.291.679
- Công ty CP Kho vận Miền Nam	19.197.109.863	-
- Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	9.925.899.638	-
- Ban Điều hành thủy điện Sơn La	19.508.203.926	19.598.923.915
- Ban Điều hành Dự án thủy điện Lai Châu	9.309.699.230	8.901.147.230
- VPĐD Tổng Công ty Sông Đà - BDH dự án Thủy điện Lai Châu	10.814.054.290	27.486.125.562
- Công ty Cổ phần Licogi 13	6.843.046.996	15.643.046.996
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.568.297.120	12.922.369.957
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP	3.234.450.250	-
- Chi nhánh TCT CP Dịch vụ KT Dầu khí Việt Nam - Ban điều	7.269.199.361	11.321.376.061
- Các khoản phải thu khách hàng khác	36.869.990.351	60.368.394.294
	<u>129.910.504.903</u>	<u>169.648.675.694</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Long Hoa	2.553.753.000	(1.276.876.500)	2.553.753.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đại Phát	651.111.400	-	1.425.150.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn phát triển năng lượng Việt Nam	840.000.000	(840.000.000)	840.000.000	(840.000.000)
Công ty Cổ phần tư vấn, xây dựng và thương mại Tây Nguyên	607.036.800	-	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng số Một Việt Hưng	1.000.000.000	-	2.200.000.000	-
Công ty TNHH TM Guangzhou Yaohuang	16.433.458.542	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	11.338.444.364	(520.481.458)	5.700.186.882	(452.460.000)
	<u>33.423.804.106</u>	<u>(2.637.357.958)</u>	<u>12.719.089.882</u>	<u>(1.292.460.000)</u>
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đại Phát	3.962.814.500	-	1.425.150.000	-
Trả trước cho người bán khác	-	-	960.203.500	-
	<u>3.962.814.500</u>	<u>-</u>	<u>2.385.353.500</u>	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.788.853.608	-	13.222.222	-
- Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	7.604.700	-
- Tạm ứng	12.188.772.338	-	22.913.460.736	-
- Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	1.016.000.000	-
- Phải thu tiền bán cổ phiếu	-	-	49.371.276.750	-
- Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty Chứng khoán	8.171.397.525	-	13.787.751.851	-
- Phải thu Công ty CP Đầu tư BĐS Phú Gia Hưng	95.117.575	-	95.117.575	-
- Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	3.904.368.181	-	1.166.850.555	-
- Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động tại CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	318.438.120	-	-	-
- Công ty CP Sản xuất thương mại và kỹ thuật toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
- Phải thu các đội thi công của Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	-	-	2.255.563.165	-
- Phải thu Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.200.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	17.509.518.619	(5.209.909.133)	3.828.985.751	(28.311.032)
	51.497.067.216	(5.209.909.133)	95.753.983.305	(28.311.032)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	615.960.000	-	228.000.000	-
	615.960.000	-	228.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Ban điều hành Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Nậm Chiến	14.013.038.180	7.006.519.090	12.373.818.927	8.661.673.249
- Công ty CP XL và PT Thành Nam	6.248.083.094	4.373.658.166	-	-
- Công ty CP Licogi 13	6.843.046.996	4.790.132.897	-	-
- Công ty CP Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	2.397.632.595	-	-
- Các khoản khác	29.333.988.946	17.460.497.324	3.970.430.742	459.050.968
	<u>59.863.346.638</u>	<u>36.028.440.072</u>	<u>16.344.249.669</u>	<u>9.120.724.217</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.424.030.439	(21.037.532)	14.374.339.742	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	141.437.688.546	-	116.674.710.412	-
- Công trình thủy điện Lai Châu	14.884.660.174	-	17.171.525.265	-
- Công trình QL1 - Phú Yên	12.129.135.861	-	11.842.870.189	-
- Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	7.485.541.455	-	14.605.457.085	-
- Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	4.700.197.299	-	26.191.664.095	-
- Hàng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	63.033.939.121	-	24.492.071.707	-
- Công trình Thủy điện Canan	-	-	682.317.124	-
- Kho Sotrans - Vũng Tàu	7.945.935.543	-	-	-
- Công trình Lèng Beng - Lào	4.995.922.718	-	4.995.922.718	-
- Công trình Lèng Beng - Lào	6.686.385.900	-	6.679.214.354	-
- Các công trình khác	19.575.970.475	-	10.013.667.875	-
	<u>168.861.718.985</u>	<u>(21.037.532)</u>	<u>131.049.050.154</u>	<u>(21.037.532)</u>

0100
CÓ TRÁCH NHIỆM TÀI CHÍNH
AA
KIỂM TRA

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	114.079.736.524	22.939.574.871
- Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá núi Chua - Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh ⁽¹⁾	-	1.993.741.819
- Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	-	1.213.907.221
- Dự án công trình Thủy điện Canan ⁽²⁾	113.988.827.433	19.731.925.831
- Dự án Thủy điện Nậm Xe ⁽³⁾	27.272.727	-
- Dự án Thủy điện Nậm Lùm ⁽³⁾	63.636.364	-
Nâng cấp tài sản cố định	-	2.939.971.140
- Máy móc thiết bị	-	2.939.971.140
Mua sắm tài sản cố định	-	390.000.000
- Ô tô tải có cần cầu Hyundai	-	390.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.095.893.000
- Máy móc thiết bị	-	30.000.000
- Xe ô tô tại công trình	-	1.065.893.000
	114.079.736.524	27.365.439.011

(1) Dự án mỏ đá Nhà Lương và dự án khai thác mỏ đất san lấp núi Chua được khởi công xây dựng từ năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến lần lượt là 43,18 tỷ đồng và 27,80 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến là đến quý IV/2012 đi vào khai thác. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã cho tạm dừng dự án để cho phép một doanh nghiệp khác thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc lâm Hồng Lĩnh. Theo đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh sẽ ưu tiên cho Công ty có mỏ đá khảo sát tại vị trí mới, đồng thời sẽ tính toán kinh phí bồi thường và hỗ trợ cho Công ty. Theo Nghị quyết HĐQT số 47/2016-HĐQT-NQ ngày 26/09/2016, Công ty quyết định dừng thực hiện dự án này và tiến hành các thủ tục xin bồi thường. Tại ngày 31/12/2016, Công ty và UBND tỉnh Hà Tĩnh vẫn chưa thống nhất được mức bồi thường mà Công ty được nhận. Toàn bộ chi phí thực hiện các dự án này đã được Công ty ghi nhận vào Chi phí khác trong năm 2016.

(2) Dự án công trình thủy điện Canan do công ty TNHH Năng lượng Sovico - Nghệ An là chủ đầu tư. Căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư số 4586247383 chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2009, chứng nhận lần ba ngày 25 tháng 07 năm 2016 dự án có tổng mức đầu tư là 810.842.000.000 đồng.

Quy mô dự án: tổng công suất lắp máy 12MW. Trong đó:

- Nhà máy thủy điện Canan 1: giá trị nghiệm thu quyết toán đến thời điểm 31/12/2016 là 7.168.588.417 đồng, dự kiến phát điện vào quý 3 năm 2018;
- Nhà máy thủy điện Canan 2: giá trị nghiệm thu quyết toán đến thời điểm 31/12/2016 là 98.746.659.451 đồng, dự kiến phát điện vào quý 1 năm 2018.
- Còn lại là giá trị xây dựng cơ bản dở dang đang được thực hiện tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9 Công ty con.

(3) Dự án Thủy điện Nậm Xe và Dự án Thủy điện Nậm Lùm được phê duyệt nghiên cứu khảo sát, lập dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01a/2016/NQ-HĐQT ngày 05/01/2016. Tại thời điểm 31/12/2016, chi phí của dự án bao gồm các chi phí nghiên cứu, tư vấn, khảo sát, thăm dò dự án.

1105
CÔNG TY
TỔNG QUẢN LÝ
TỔNG TOÁN
SC
TP. HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	11.221.128.927	102.281.552.422	59.680.102.455	663.928.791	-	173.846.712.595
- Mua trong năm	-	46.202.592.706	14.876.381.818	40.259.090	-	61.119.233.614
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.919.284.596	1.009.945.000	-	8.778.332.728	11.707.562.324
- Phân loại lại	-	(7.487.543.905)	7.487.543.905	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(114.285.714)	-	(191.364.601)	-	(305.650.315)
Số dư cuối năm	11.221.128.927	142.801.600.105	83.053.973.178	512.823.280	8.778.332.728	246.367.858.218
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.237.108.792	45.458.804.386	25.219.762.618	535.943.212	-	77.451.619.008
- Khấu hao trong năm	280.528.224	11.686.735.381	7.509.601.854	57.992.506	109.729.158	19.644.587.123
- Phân loại lại	-	(7.695.776.415)	7.695.776.415	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(114.285.714)	-	(191.364.601)	-	(305.650.315)
Số dư cuối năm	6.517.637.016	49.335.477.638	40.425.140.887	402.571.117	109.729.158	96.790.555.816
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	4.984.020.135	56.822.748.036	34.460.339.837	127.985.579	-	96.395.093.587
Tại ngày cuối năm	4.703.491.911	93.466.122.467	42.628.832.291	110.252.163	8.668.603.570	149.577.302.402

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 135.156.318.500 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.910.100.875 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Số dư cuối năm	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	92.500.000	128.125.041	220.625.041
- Khấu hao trong năm	-	12.500.004	12.500.004
Số dư cuối năm	92.500.000	140.625.045	233.125.045
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	121.874.959	121.874.959
Tại ngày cuối năm	-	109.374.955	109.374.955

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	650.227.338	17.694.774
Chi phí trả trước về thuê văn phòng và bếp ăn	-	155.387.034
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	82.401.031	640.991.515
	732.628.369	814.073.323
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.026.527.986	4.574.337.394
Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan	166.585.833	401.765.833
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.715.443.758	972.222.601
Chi phí trả trước dài hạn khác	472.222.222	87.522.333
	9.380.779.799	6.035.848.161

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	10.519.685.177	10.519.685.177	9.891.962.371	9.891.962.371
Công ty TNHH Đại Minh	5.701.573.466	5.701.573.466	4.832.027.136	4.832.027.136
Công ty TNHH Hoàng Sơn	2.988.300.000	2.988.300.000	2.499.040.000	2.499.040.000
Phải trả các đối tượng khác	53.250.550.848	53.250.550.848	25.312.324.947	25.312.324.947
	72.460.109.491	72.460.109.491	42.535.354.454	42.535.354.454

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	264.924.894	302.328.056	567.252.950	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	10.712.145.991	3.009.846.875	8.334.498.664	52.863.721	5.440.357.923
Thuế Thu nhập cá nhân	-	235.202.749	891.468.225	793.730.459	-	332.940.515
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	286.759.450	36.923.670	453.793.139	130.110.019	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	4.000.000	4.000.000	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	105.949.741	100.579.933	166.925.131	-	39.604.543
	-	11.610.173.332	4.345.146.759	10.320.200.343	182.973.740	5.818.093.488

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí Việt Nam - BDA Nhiệt điện Long Phú	29.370.854.216	33.329.603.077
Công ty CP Sông Đà 5	-	7.747.658.168
Các đối tượng khác	2.532.660.508	3.809.678.938
	31.903.514.724	44.886.940.183

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	529.712.499	350.036.487
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470.085.917	470.085.917
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình, thuê ca máy	9.774.321.824	2.141.744.445
- Chi phí phải trả khác	422.202.553	346.700.530
	11.196.322.793	3.308.567.379

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	411.603.861	400.381.977
- Bảo hiểm xã hội	314.957.327	375.391.891
- Bảo hiểm y tế	-	9.142.610
- Bảo hiểm thất nghiệp	38.810.950	20.260.000
- Phải trả vật tư tạm nhập trong năm	1.581.524.000	1.024.496.181
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	6.447.436	3.782.722
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	519.000.000	831.298.041
- Phải trả tiền mua quyền mua cổ phiếu	-	17.450.909.300
- Phải trả tiền giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán	-	8.012.447.697
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	1.857.482.664
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.091.123.715	3.077.438.579
	4.963.467.289	33.063.031.662
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	56.815.000	56.815.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	90.477.100.086	90.477.100.086	313.565.101.411	236.430.052.430	167.612.149.067	167.612.149.067
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	80.583.783.011	80.583.783.011	234.847.659.194	196.783.912.926	118.647.529.279	118.647.529.279
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	9.893.317.075	9.893.317.075	76.217.442.217	38.946.139.504	47.164.619.788	47.164.619.788
- Ông Phan Dương Mạnh (3)	-	-	1.500.000.000	700.000.000	800.000.000	800.000.000
- Ông Nguyễn Công Hòa (3)	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng	8.990.712.212	8.990.712.212	31.015.859.678	15.824.572.114	24.181.999.776	24.181.999.776
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (4)	7.620.512.212	7.620.512.212	22.592.759.678	12.784.022.114	17.429.249.776	17.429.249.776
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (5)	1.370.200.000	1.370.200.000	8.423.100.000	3.040.550.000	6.752.750.000	6.752.750.000
	99.467.812.298	99.467.812.298	344.580.961.089	252.254.624.544	191.794.148.843	191.794.148.843

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn ngân hàng	32.515.173.140	32.515.173.140	56.032.961.087	17.990.722.114	70.557.412.113	70.557.412.113
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (4)	28.316.223.140	28.316.223.140	29.949.993.400	12.784.022.114	45.482.194.426	45.482.194.426
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (5)	4.198.950.000	4.198.950.000	26.082.967.687	5.206.700.000	25.075.217.687	25.075.217.687
Trái phiếu thường (*)	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	<u>117.515.173.140</u>	<u>117.515.173.140</u>	<u>56.032.961.087</u>	<u>17.990.722.114</u>	<u>155.557.412.113</u>	<u>155.557.412.113</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.990.712.212)	(8.990.712.212)	(31.015.859.678)	(15.824.572.114)	(24.181.999.776)	(24.181.999.776)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>108.524.460.928</u>	<u>108.524.460.928</u>			<u>131.375.412.337</u>	<u>131.375.412.337</u>

(*) Trong năm 2015, Công ty phát hành 85 trái phiếu tại ngày 25/12/2015 với kỳ hạn 36 tháng với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây			118.647.529.279	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/2016/283367/HĐTD ngày 15 tháng 12 năm 2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2016 là 8%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	118.647.529.279	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh			47.164.619.788	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 16174/HM/HĐTD.DAH ngày 22/07/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2016 là 8,2%/năm	Thời gian rút vốn tín dụng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng, thời hạn thanh toán tối đa 09 tháng áp dụng cho từng lần rút vốn	47.164.619.788	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái quy định pháp luật
3	Vay cá nhân			1.800.000.000	
	Ông Phan Dương Mạnh	Lãi suất cố định 4,3%/năm	50 ngày, từ ngày 17/11/2016	800.000.000	Bổ sung vốn lưu động
	Ông Nguyễn Công Hòa	Lãi suất cố định 4,3%/năm	50 ngày, từ ngày 17/11/2016	1.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động
	Tổng cộng			167.612.149.067	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
 Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 (VND)	Mục đích vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			45.482.194.426	17.429.249.776	
	HĐTD số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.737.287.776	1.737.287.776	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1
	HĐTD số 02/2014/283367/HĐTD ngày 18/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	803.000.000	438.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HĐTD số 03/2014/283367/HĐTD ngày 20/11/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.515.800.000	1.257.900.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HĐTD số 04/2014/283367/HĐTD ngày 20/12/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	4.350.000.000	2.160.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6
	HĐTD số 01/2015/283367/HĐTD ngày 02/02/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	566.000.000	288.000.000	Mua xe ô tô BMW 320i
	HĐTD số 02/2015/283367/HĐTD ngày 05/03/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.154.833.250	532.998.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 7
	HĐTD số 02/2015/283367/HĐTD ngày 11/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	8.700.000.000	3.480.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015
	HĐTD số 03/2015/283367/HĐTD ngày 28/09/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.159.780.000	1.004.064.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2
	HĐ TD số 03/2016/283367/HĐ TD ngày 31/08/2016 và Phụ lục số 02.01/2016/283367/PLHĐ ngày 28/11/2016	Được quy định trong từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10%/năm	60 tháng	7.655.200.000	1.260.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công năm 2016 - Giai đoạn 2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
 Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 (VND)	Mục đích vay
	HỆ TD số 04/2016/283367/HỆ TD ngày 14/10/2016 và Phụ lục số 04/2016/283367/HỆTD ngày	Được quy định trong từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10%/năm	36 tháng	601.000.000	123.000.000	Mua cân điện tử và máy nén khí
	HỆ TD số 03/2016/283367/HỆ TD ngày 14/10/2016	Được quy định trong từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10%/năm	60 tháng	4.441.000.000	748.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công năm 2016 - Giai đoạn 2.2
	HỆ TD số 04/2016/283367/HỆ TD ngày 14/10/2016	Áp dụng lãi suất cho vay là 10%/năm đến hết ngày 31/12/2016	60 tháng	10.798.293.400	4.400.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2016-giai đoạn 3.1
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh			25.075.217.687	6.752.750.000	
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14084 ngày 10/10/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	721.250.000	533.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HỆTD số 15189/TH.HỆTD.DAH ngày 26/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	662.000.000	31.750.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 1
	HỆTD 16135/TH/HỆTD.DAH số ngày 30/5/2016	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	13.332.967.687	3.000.000.000	Thanh toán tiền mua máy khoan đá Furukawa và một phần máy khoan khác
	HỆTD số 16008/TH/HỆTD.DAH ngày 19 tháng 2 năm 2016	Khoản giải ngân trước 31/3/2016 là 9%/năm; đối với khoản giải ngân sau 31/3/2016: áp dụng theo thông báo của VCB Đông Anh tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần	48 tháng	10.359.000.000	3.188.000.000	Bù đắp tiền mua máy móc, thiết bị phương tiện vận tải đã đầu tư để nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015
	Tổng cộng			70.557.412.113	24.181.999.776	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	124.969.290.000	982.166.000	6.050.945.031	24.364.189.501	-	156.366.590.532
Tăng vốn trong năm trước	245.030.710.000	-	-	-	-	245.030.710.000
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	60.939.727.605	60.939.727.605
Lãi trong năm trước	-	-	-	28.255.610.737	182.340.934	28.437.951.671
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	2.141.142.028	(3.211.713.042)	-	(1.070.571.014)
Trích thù lao HĐQT và BKS trên Lợi nhuận năm 2014	-	-	-	(474.700.000)	-	(474.700.000)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS năm 2015	-	-	-	(700.200.000)	-	(700.200.000)
Giảm khác	-	-	-	(66.866.755)	(64.244.530)	(131.111.285)
Số dư cuối năm trước	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	48.166.320.441	61.057.824.009	488.398.397.509
Số dư đầu năm nay	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	48.166.320.441	61.057.824.009	488.398.397.509
Tăng vốn trong năm nay	18.491.390.000	-	-	(18.491.390.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	15.236.284.008	(1.708.725.897)	13.527.558.111
Phân phối lợi nhuận tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	-	-	1.034.280.021	(1.585.896.032)	(529.984.011)	(1.081.600.022)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS năm 2016	-	-	-	(492.901.959)	-	(492.901.959)
Giảm khác (*)	-	-	-	(140.148.000)	(134.652.000)	(274.800.000)
Số dư cuối năm nay	388.491.390.000	982.166.000	9.226.367.080	42.692.268.458	58.684.462.101	500.076.653.639

(*) Giảm khác bao gồm thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách và chi phí họp Đại hội đồng cổ đông tại Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 30/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Công ty mẹ	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	Tổng
	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.680.852.988	14.055.511.565	31.736.364.553
Lợi nhuận còn lại chưa chia các năm trước	19.977.576.459	5.829.551.535	25.807.127.994
Tổng lợi nhuận còn lại chưa chia các năm trước	37.658.429.447	19.885.063.100	57.543.492.547
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9 (đã chi năm 2015)		240.000.000	240.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển		2.028.000.042	2.028.000.042
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.081.600.022	1.081.600.022
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 5% vốn điều lệ) (*)	18.491.390.000	5.000.000.000	23.491.390.000
Lợi nhuận chưa phân phối	19.167.039.447	11.535.463.036	30.702.502.483

(*) Ngày 15/08/2016, Công ty có Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với nội dung:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.850.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 1.849.139 cổ phiếu;
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mới phát hành được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Số cổ phiếu lẻ phát sinh là 861 cổ phiếu lẻ đã bị hủy bỏ.

Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9 chưa có Thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nên Công ty chưa ghi giảm Lợi nhuận chưa phân phối đối với giá trị cổ tức được phân phối theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông	100%	388.491.390.000	100%	370.000.000.000
	<u>100%</u>	<u>388.491.390.000</u>	<u>100%</u>	<u>370.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	388.491.390.000	370.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	370.000.000.000	124.969.290.000
- Vốn góp tăng trong năm	18.491.390.000	245.030.710.000
- Vốn góp cuối năm	388.491.390.000	370.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.491.390.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.491.390.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

d) Cổ phiếu		
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.849.139	37.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.849.139	37.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.849.139	37.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.849.139	37.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.849.139	37.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.226.367.080	8.192.087.059
	<u>9.226.367.080</u>	<u>8.192.087.059</u>
21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	347,88	113,92
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.257.547.743	5.975.458.151
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.223.190.636	9.149.851.681
Doanh thu hợp đồng xây dựng	285.937.578.820	109.581.768.008
	<u>293.418.317.199</u>	<u>124.707.077.840</u>
23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.488.742.187	5.774.779.908
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.700.815.923	8.256.243.064
Giá vốn hợp đồng xây dựng	244.970.082.573	104.721.297.282
	<u>251.159.640.683</u>	<u>118.752.320.254</u>
24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.790.608.792	452.804.330
Lãi bán các khoản đầu tư ngắn hạn	54.881.365.980	70.289.621.467
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.080.113.500	1.911.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	135.873.872	-
	<u>74.887.962.144</u>	<u>72.653.925.797</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	24.101.994.486	5.122.710.343
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	21.641.552.786	33.142.555.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	122.356.437	-
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.313.256.345)	8.420.618.581
Chi phí tài chính khác	1.921.726.530	892.985.711
	<u>45.474.373.894</u>	<u>47.578.870.543</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.859.980.846	2.023.563.685
Chi phí nhân công	16.426.499.658	5.074.461.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.992.292.846	919.725.335
Thuế, phí, lệ phí	698.049.099	102.144.093
Chi phí dự phòng	16.611.381.114	82.503.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.298.769.890	2.408.406.207
Chi phí khác bằng tiền	8.288.683.514	5.858.104.322
	<u>55.175.656.967</u>	<u>16.468.908.841</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	8.154.782.703
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	512.783.432
Cho thuê văn phòng và tiền điện	344.314.778	679.124.251
Chuyển nhượng dự án Phình Hồ	-	7.266.205.083
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	497.496.067	163.636.364
Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	-	13.528.016.924
Hạch toán xử lý công nợ	441.739.786	-
Chuyển nhượng dự án đất Tân Vạn	-	46.867.055
Tiền hoàn thuế đất	453.793.139	-
Tiền thưởng hoàn thành tiến độ	95.504.000	-
Thu nhập khác	337.431.399	338.705.042
	<u>2.170.279.169</u>	<u>30.690.120.854</u>

1105
CÔNG TY
KIỂM SÁT
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thi công Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá Núi Chùa	1.993.741.819	-
Chi phí cho thuê văn phòng và tiền điện	487.409.725	679.124.252
Chi phí dự án Phình Hồ	-	7.266.205.083
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	260.996.067	269.931.818
Tiền phạt vi phạm hành chính và thuế	647.437.049	580.286.517
Phạt vi phạm hợp đồng	83.000.000	-
Chi phí khác	489.069.322	284.372.028
	3.961.653.982	9.079.919.698

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.705.232.986	35.559.804.401
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	3.009.846.875	4.663.190.177
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.009.846.875	4.663.190.177
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	75.765.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	10.577.644.859	6.329.736.664
Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng do hợp nhất Công ty con	-	4.287.279.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(8.334.498.664)	(4.778.327.448)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	5.252.993.070	10.577.644.859
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	603.118.936
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	132.686.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	134.501.132	869.698.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(867.883.778)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	134.501.132	134.501.132
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.009.846.875	4.795.876.343
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.387.494.202	10.712.145.991

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.879.240.400	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.879.240.400	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.976.163.723	2.929.095.323
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.976.163.723	2.929.095.323

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí/ thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.879.240.400)	2.929.095.323
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	47.068.400	-
	(1.832.172.000)	2.929.095.323

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.236.284.008	28.255.610.737
Các khoản điều chỉnh	-	(1.457.507.521)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích từ lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	-	(884.042.649)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích từ lợi nhuận sau thuế Công ty con	-	(573.464.872)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.236.284.008	26.798.103.216
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.849.139	29.559.513
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	392	907

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên tỷ lệ trích lập lợi nhuận sau thuế năm 2014. Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.835.499.855	60.594.759.688
Chi phí nhân công	72.040.334.796	27.005.371.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.309.522.316	7.128.915.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.307.391.903	45.994.116.917
Chi phí khác bằng tiền	22.505.403.613	39.541.748.141
Chi phí trích lập dự phòng	16.611.381.114	-
	327.609.533.597	180.264.911.818

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.661.423.814	-	32.717.881.915	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	182.023.532.119	(21.197.548.608)	265.630.658.999	(5.931.065.452)
Các khoản cho vay	-	-	2.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	181.162.601.561	(6.481.053.069)	206.067.372.392	(8.794.309.414)
Đầu tư dài hạn	85.550.000.000	-	80.550.000.000	-
	512.397.557.495	(27.678.601.677)	586.965.913.306	(14.725.374.866)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	323.169.561.180	207.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	77.480.391.780	75.655.201.116
Chi phí phải trả	11.196.322.793	3.308.567.379
	411.846.275.753	286.956.041.721

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
 Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.661.423.814	-	-	63.661.423.814
Phải thu khách hàng, phải thu khác	160.210.023.511	615.960.000	-	160.825.983.511
Đầu tư ngắn hạn	174.681.548.492	-	-	174.681.548.492
Đầu tư dài hạn	-	85.550.000.000	-	85.550.000.000
	<u>398.552.995.818</u>	<u>86.165.960.000</u>	<u>-</u>	<u>484.718.955.818</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.717.881.915	-	-	32.717.881.915
Phải thu khách hàng, phải thu khác	259.471.593.547	228.000.000	-	259.699.593.547
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	197.273.062.978	-	-	197.273.062.978
Đầu tư dài hạn	-	80.550.000.000	-	80.550.000.000
	491.462.538.440	80.778.000.000	-	572.240.538.440

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	191.794.148.843	131.375.412.337	-	323.169.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác	77.423.576.780	56.815.000	-	77.480.391.780
Chi phí phải trả	11.196.322.793	-	-	11.196.322.793
	280.414.048.416	131.432.227.337	-	411.846.275.753
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	99.467.812.298	108.524.460.928	-	207.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	75.598.386.116	56.815.000	-	75.655.201.116
Chi phí phải trả	3.308.567.379	-	-	3.308.567.379
	178.374.765.793	108.581.275.928	-	286.956.041.721

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016****35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.726.600.000	1.352.176.079

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017